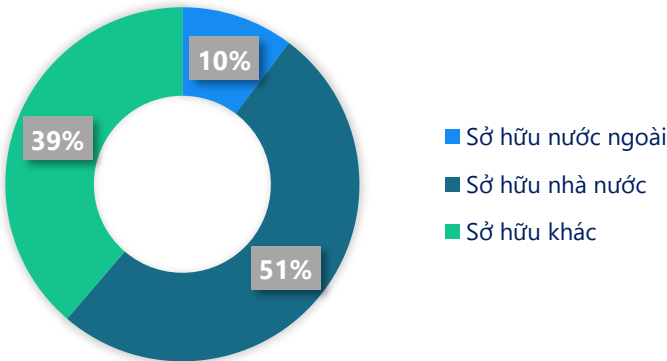


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		67,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		80,444
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		66,442
SL cổ phiếu LH		40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		8,730
% sở hữu nước ngoài		10.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,696
P/E		8.0
EPS		8,454

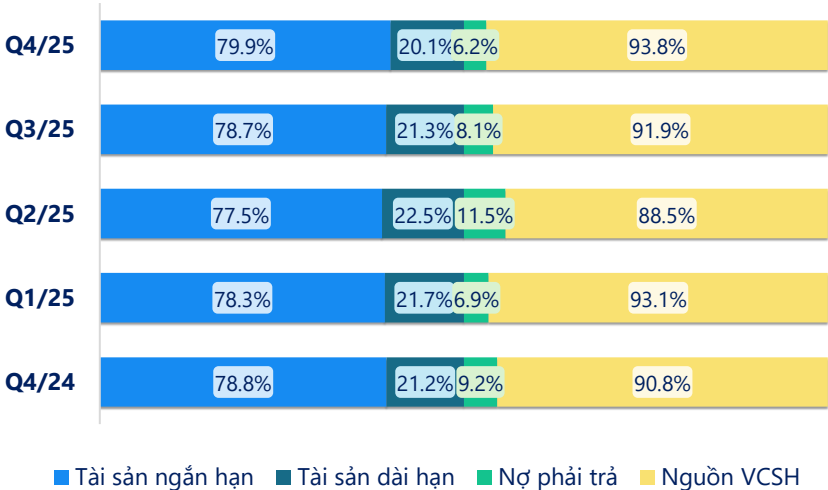
	YTD	1T	3T	6T
DVP	-10.9%	-0.9%	-5.3%	-12.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu sở hữu



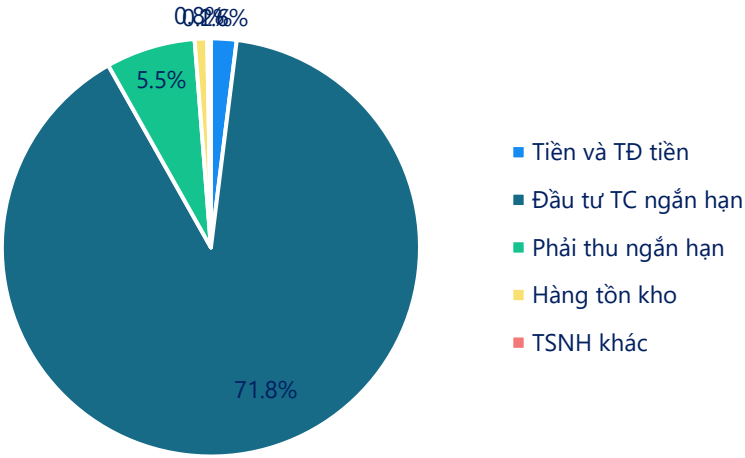
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

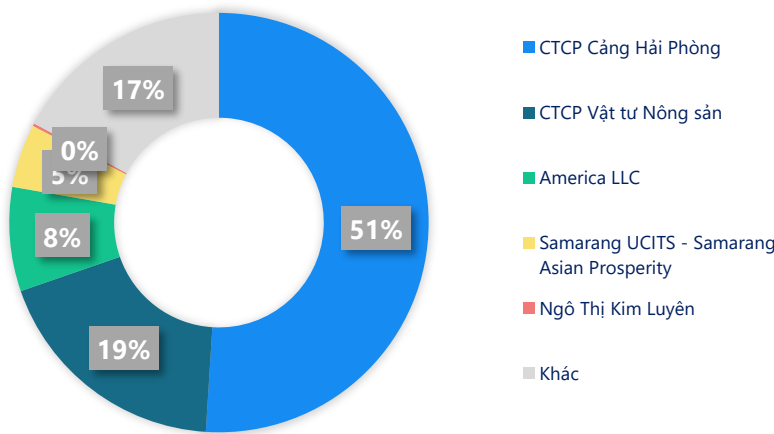
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q4/25

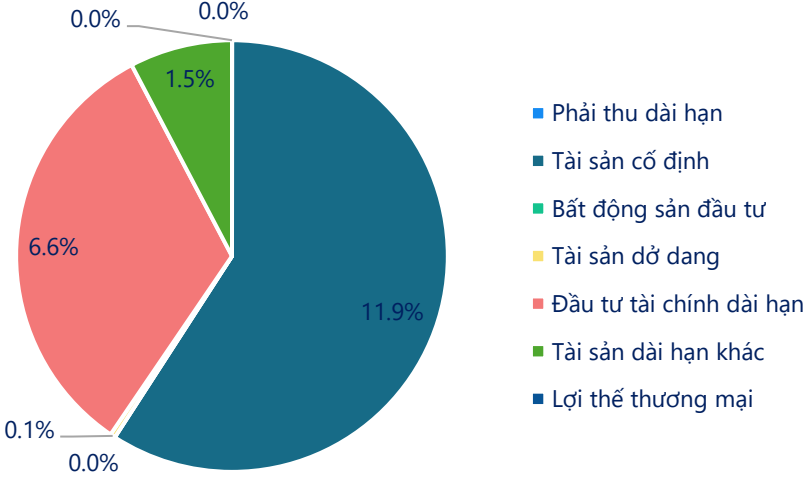
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



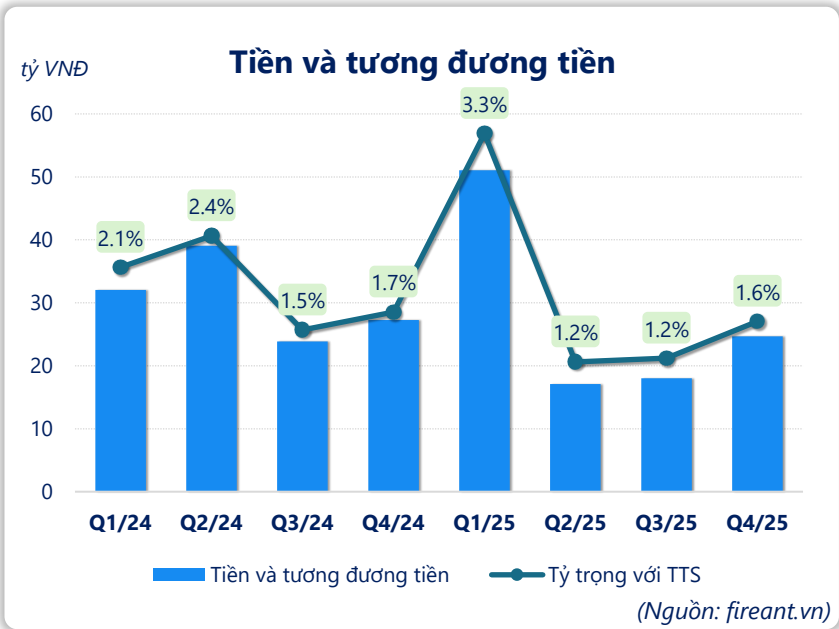
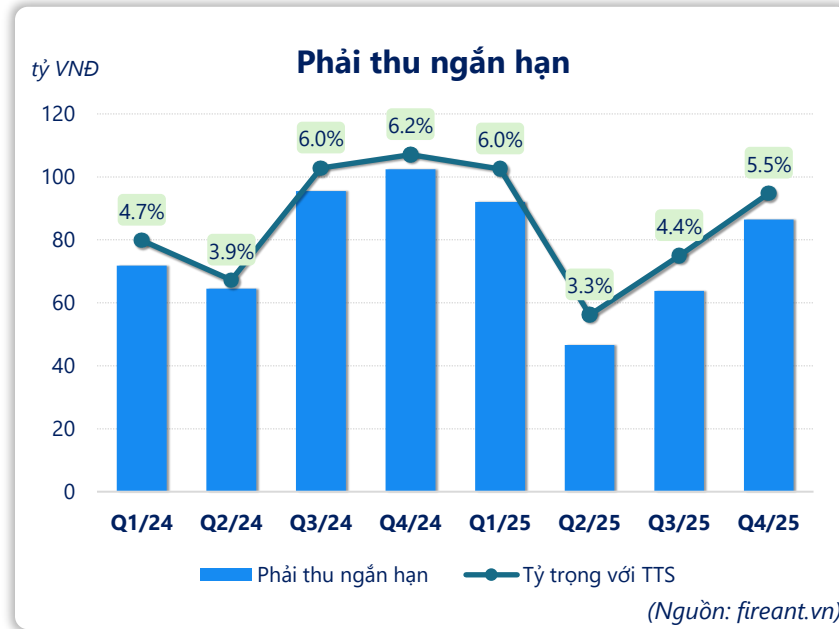
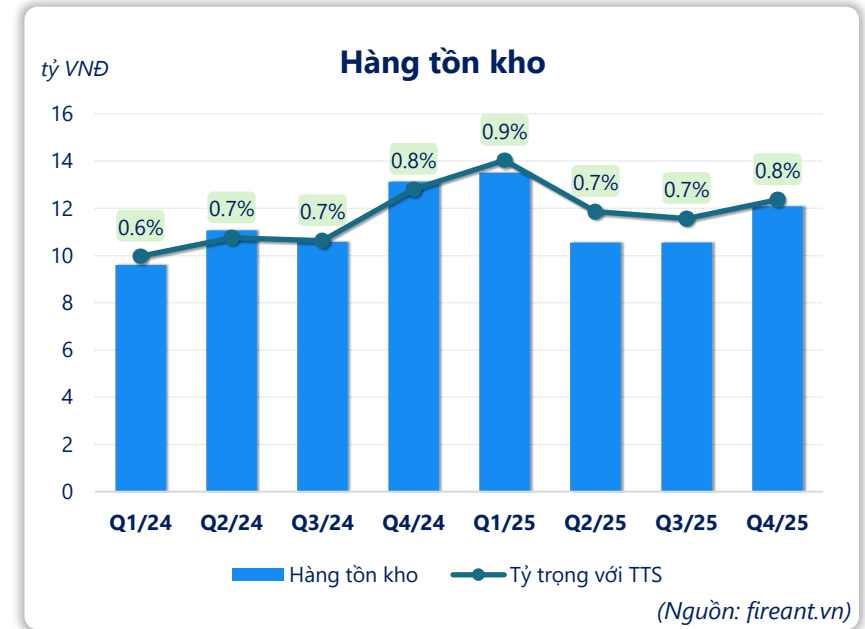
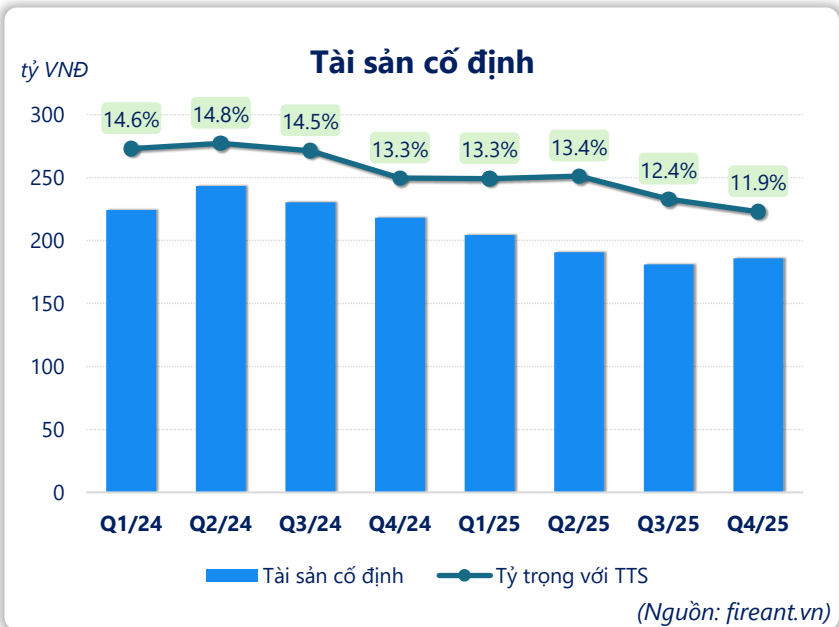
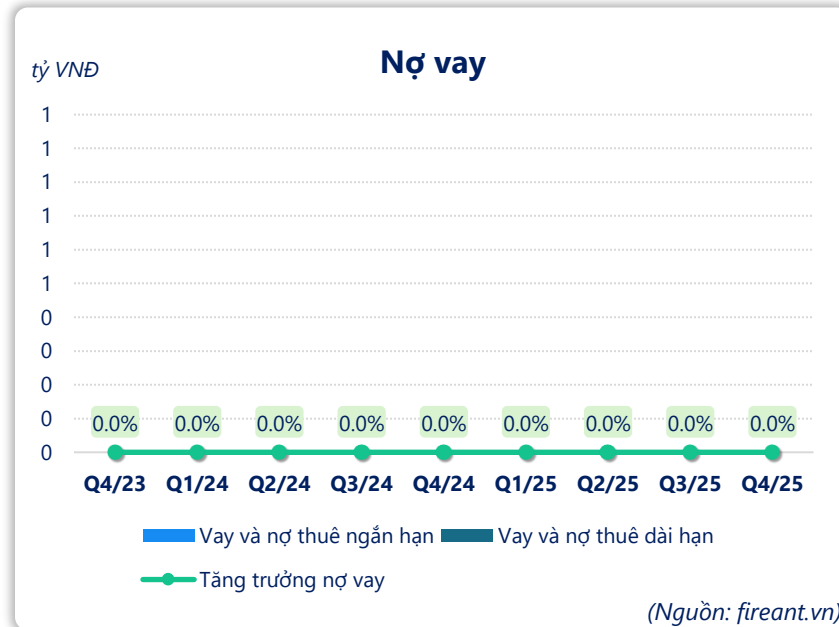
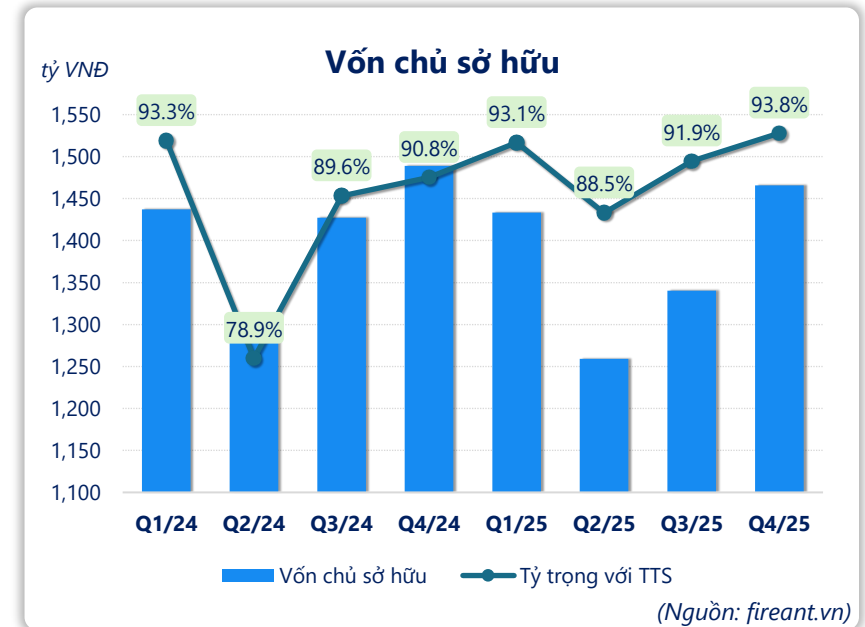
(Nguồn: fireant.vn)

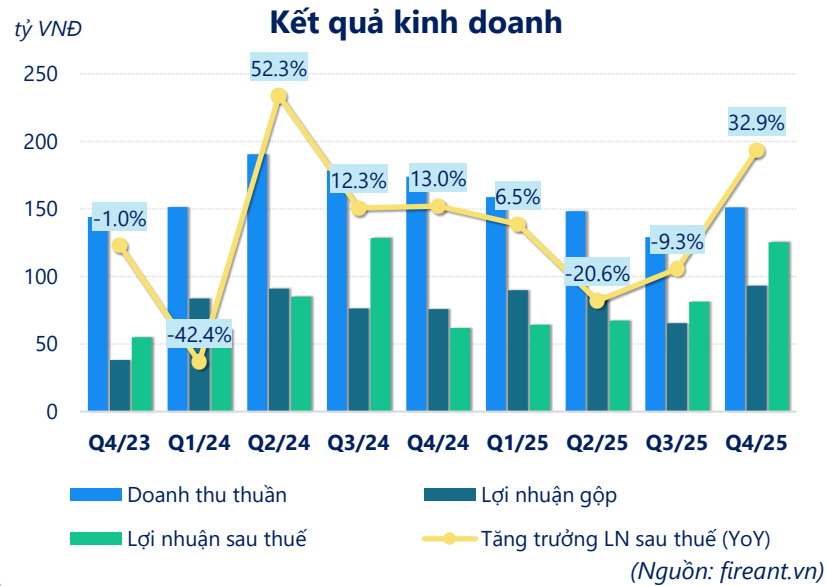
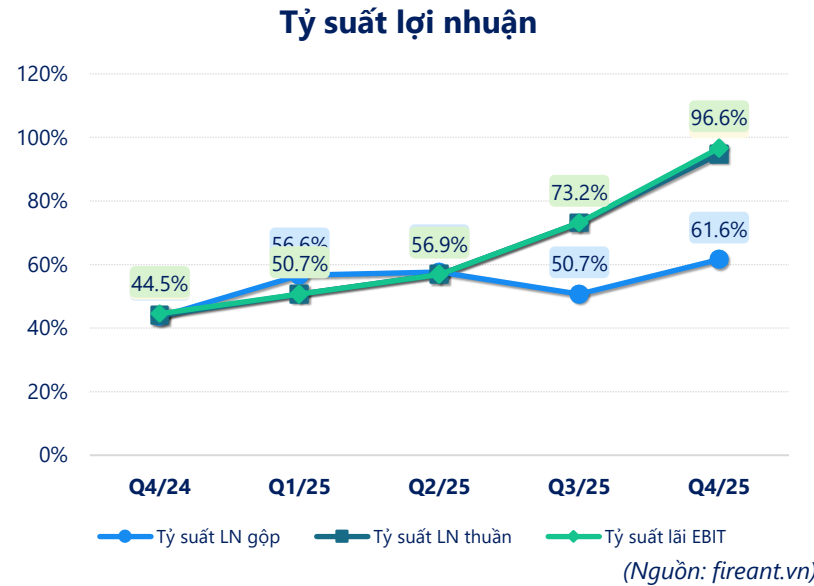
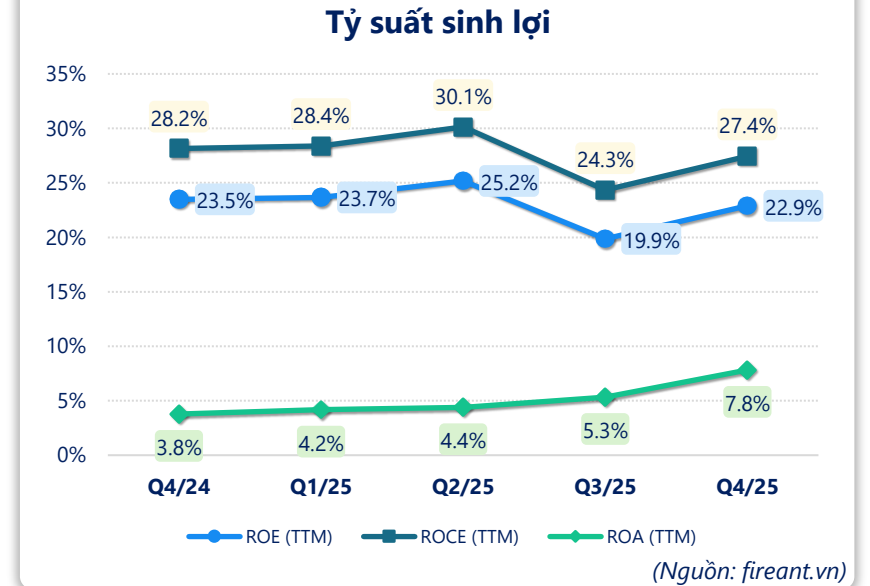
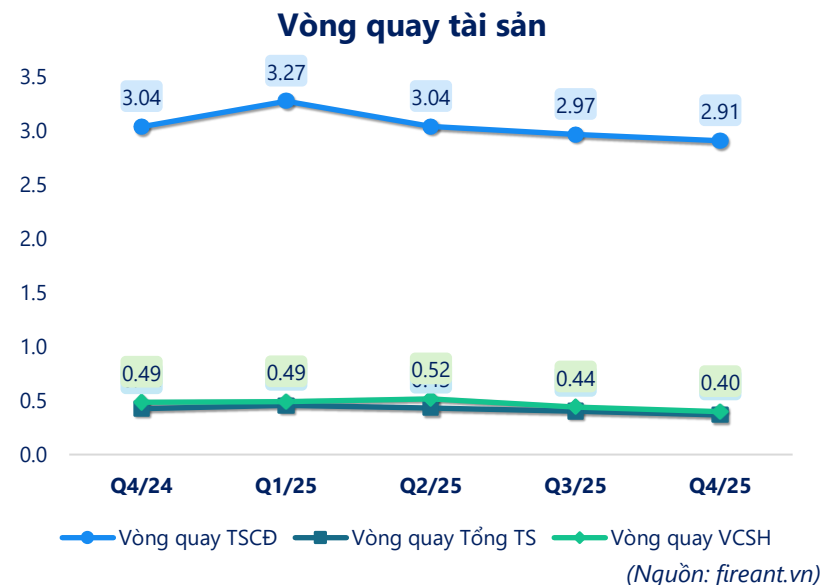
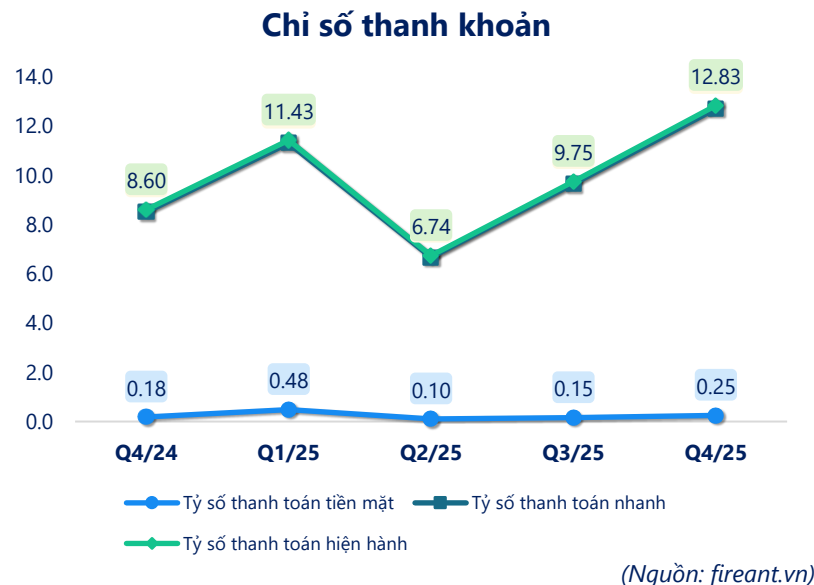
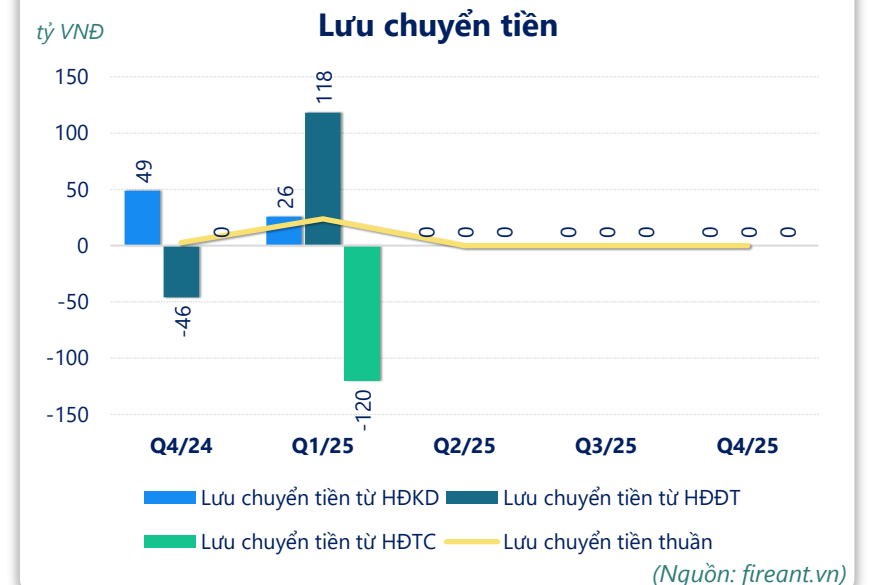
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,563	1,639	-4.7%
Tài sản ngắn hạn	1,249	1,292	-3.3%
Tiền và tương đương tiền	24.7	27.3	-9.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,122	1,147	-2.2%
Phải thu ngắn hạn	86.4	102	-15.6%
Hàng tồn kho	12.1	13.1	-8.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.52	1.99	77.1%
Tài sản dài hạn	314	347	-9.6%
Phải thu dài hạn	0.05	0.09	-44.1%
Tài sản cố định	186	218	-14.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.19	1.14	4.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	103	103	0.0%
Tài sản dài hạn khác	24.2	24.9	-3.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	97.3	150	-35.2%
Nợ ngắn hạn	97.3	150	-35.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	12.7	14.4	-12.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,466	1,489	-1.6%
Vốn chủ sở hữu	1,466	1,489	-1.6%
Vốn điều lệ	400	400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	174	159	148	129	151
Giá vốn hàng bán	98.1	68.8	62.8	63.7	58.0
Lợi nhuận gộp	75.8	89.9	85.4	65.5	93.1
Doanh thu HĐTC	26.1	6.17	10.6	43.7	67.9
Chi phí TC	0.00	0	0	0.01	0.14
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0.27	0.19	0
Chi phí QLDN	25.5	15.7	11.5	14.4	17.7
LN thuần từ HĐKD	76.4	80.4	84.3	94.6	143
Lợi nhuận khác	1.04	0.10	0.01	0.01	2.86
LN trước thuế	77.5	80.5	84.3	94.6	146
Lợi nhuận sau thuế	61.8	64.2	67.4	81.3	125
LNST của CĐ cty mẹ	61.8	64.2	67.4	81.3	125

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	48.9	25.6	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-46.0	118	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-120	0	0	0
Tiền đầu kỳ	23.8	27.3	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	2.83	23.8	0	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.61	0.01	0	0	0
Tiền cuối kỳ	27.3	51.0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)